

Số: 2466 /TCT-CS
V/v thuế GTGT.

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2019

Kính gửi: Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang.

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 260/CT-TTr ngày 26/3/2019 và công văn số 313/CT-TTKT ngày 09/4/2019 của Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang về chính sách thuế giá trị gia tăng. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ về đối tượng không chịu thuế GTGT.

Tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 01/02/2018, sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 3 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ (đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016) quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT như sau:

“11. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác.

Sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến trực tiếp từ nguyên liệu chính là tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trừ lên trừ các trường hợp sau:

- Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản do cơ sở kinh doanh trực tiếp khai thác và chế biến hoặc thuê cơ sở khác chế biến mà trong quy trình chế biến đã thành sản phẩm khác sau đó lại tiếp tục chế biến ra sản phẩm xuất khẩu (quy trình chế biến khép kín hoặc thành lập phân xưởng, nhà máy chế biến theo từng công đoạn) thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Luật thuế giá trị gia tăng.

- Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản do cơ sở kinh doanh mua về chế biến hoặc thuê cơ sở khác chế biến mà trong quy trình chế biến đã thành sản phẩm khác sau đó lại tiếp tục chế biến ra sản phẩm xuất khẩu (quy trình chế biến khép kín hoặc thành lập phân xưởng, nhà máy chế biến theo từng công đoạn) thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Luật thuế giá trị gia tăng.

- Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ nguyên liệu chính không phải là tài nguyên, khoáng sản (tài nguyên, khoáng sản đã chế biến thành sản phẩm khác) do cơ sở kinh doanh mua về chế biến hoặc thuê cơ sở khác chế biến thành sản phẩm



xuất khẩu thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Luật thuế giá trị gia tăng.

Tài nguyên, khoáng sản quy định tại khoản 23 Điều 5 của Luật thuế giá trị gia tăng là tài nguyên, khoáng sản có nguồn gốc trong nước gồm: Khoáng sản kim loại; khoáng sản không kim loại; dầu thô; khí thiên nhiên; khí than.

Trị giá tài nguyên, khoáng sản đưa vào chế biến được xác định như sau: Đối với tài nguyên, khoáng sản trực tiếp khai thác là chi phí trực tiếp, gián tiếp khai thác ra tài nguyên, khoáng sản không bao gồm chi phí vận chuyển tài nguyên, khoáng sản từ nơi khai thác đến nơi chế biến; đối với tài nguyên, khoáng sản mua để chế biến tiếp là giá thực tế mua không bao gồm chi phí vận chuyển tài nguyên, khoáng sản từ nơi mua đến nơi chế biến.

Chi phí năng lượng gồm: Nhiên liệu, điện năng, nhiệt năng.

Tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định căn cứ vào quyết toán năm trước và tỷ lệ này được áp dụng ổn định trong năm xuất khẩu. Trường hợp năm đầu tiên xuất khẩu sản phẩm thì tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định theo phương án đầu tư và tỷ lệ này được áp dụng ổn định trong năm xuất khẩu; trường hợp không có phương án đầu tư thì tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định theo thực tế của sản phẩm xuất khẩu.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn cụ thể việc xác định tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa được chế biến thành sản phẩm khác quy định tại khoản này.”

Căn cứ hướng dẫn tại điểm c Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính (hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ) sửa đổi, bổ sung khoản 23 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính về đối tượng không chịu thuế GTGT.

Tại Điều 1 Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính (hướng dẫn Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ) sửa đổi, bổ sung khoản 23 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính) hướng dẫn như sau:

“ ...

d) Cục Thuế các tỉnh, thành phố phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan để hướng dẫn các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh xuất khẩu sản phẩm từ tài nguyên, khoáng sản căn cứ đặc tính sản phẩm và quy trình sản xuất sản phẩm để xác định sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản đã chế biến hoặc chưa chế biến thành sản phẩm khác để thực hiện kê khai theo quy định.



...”

Căn cứ các quy định, hướng dẫn nêu trên và hồ sơ thực tế, Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang xin ý kiến các Cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành trên địa bàn để xác định sản phẩm Bột Oxyt Antimony $\geq 80,0\%$ Sb (sản phẩm trung gian trong quy trình chế biến Antimony thỏi 99,65% Sb xuất khẩu của Công ty) là tài nguyên, khoáng sản đã chế biến thành sản phẩm khác hay chưa. Căn cứ ý kiến xác nhận của Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện theo nguyên tắc:

Từ ngày 01/07/2016 đến trước ngày 01/02/2018: Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản đã qua chế biến thành sản phẩm khác và sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản thuộc đối tượng phải xác định tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm để áp dụng chính sách thuế GTGT phù hợp. Trường hợp, tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm xuất khẩu từ 51% trở lên thì sản phẩm xuất khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng. Trường hợp, tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm xuất khẩu dưới 51% thì sản phẩm xuất khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định.

Từ ngày 01/02/2018: Sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến trực tiếp từ nguyên liệu chính là tài nguyên, khoáng sản thuộc đối tượng phải xác định tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm để áp dụng chính sách thuế GTGT phù hợp, trừ các trường hợp thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% theo quy định tại Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ.

Tổng cục Thuế có ý kiến đề Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó TCTr Cao Anh Tuấn (để báo cáo);
- Vụ PC - BTC;
- Vụ PC - TCT;
- Website Tổng cục Thuế;
- Lưu: VT, CS (3)



Lưu Đức Huy